TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/DS-ST
Ngày: 10 - 7 - 2018
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đình Long.
2. Ông Nguyễn Văn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp " hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐST - DS ngày 31 tháng 05 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST – DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị T (Sinh năm 1977)
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk _ Có mặt

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị S (Sinh năm 1972)
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Bà Phạm Thị S ủy quyền cho ông Nguyễn Viết Đ theo giấy ủy quyền ngày 04 tháng 4 năm 2018).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Viết Đ (Sinh năm 1969)
Địa chỉ: Thôn Tân V, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Ông Nguyễn Viết Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Vào ngày 14/4/2017 bà cho bà Phạm Thị S vay số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 30/4/2017. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất là 500.000đ/100.000.000đ/ngày. Bà S viết giấy biên nhận nợ cho bà. Khi đến hạn trả nợ mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần, nhưng đến nay bà S vẫn không chịu trả cho bà số tiền nợ gốc và lãi suất. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị S phải trả cho bà toàn bộ số nợ gốc là 600.000.000đ, không yêu cầu tính

lãi suất. Do bà S vay tiền để buôn bán, phục vụ lợi ích gia đình, nên bà yêu cầu chồng bà S là ông Nguyễn Viết Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà S trả nợ cho bà.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai của đương sự và tại biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Bà Phạm Thị S) và đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Viết Đ trình bày: Ông công nhận vào ngày 14/4/2017 vợ ông là bà Phạm Thị S có vay của bà Trương Thị T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 30/4/2017. Ông công nhận số tiền nợ trên vợ ông vay nhằm mục đích phục vụ buôn bán của gia đình. Về lãi suất tiền vay thì ông không nắm được, vì ông không biết được nội dung thỏa thuận giữa vợ ông và bà T. Ông công nhận vợ ông còn nợ của bà T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và đã quá thời hạn trả nợ. Nay bà T yêu cầu Tòa án buộc vợ ông là Phạm Thị S và ông có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số nợ gốc là 600.000.000đ thì vợ chồng ông chấp nhận, nhưng xin được gia hạn thêm thời hạn trả nợ và đề nghị không tính lãi suất.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết Đ, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa bà Trương Thị T và bà Phạm Thị S có thực hiện giao dịch vay tiền. Do bà T cho rằng bà S không trả số tiền đã vay nên bà T khởi kiện bà S tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa bà T và bà S là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất được nội dung là vào ngày 14/4/2017 bà Phạm Thị S vay của bà Trương Thị T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 30/4/2017. Khoản nợ này bà S chưa trả cho

bà T, vì vậy việc bà T khởi kiện bà S tại Tòa án là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên hòa giải ngày 05/4/2018 giữa nguyên đơn với đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án) đã thống nhất được số lượng nợ và thời hạn trả nợ. Do các đương sự thỏa thuận, thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn đã có đơn yêu cầu thay đổi nội dung thỏa thuận, yêu cầu thanh toán nợ ngay, không cho gia hạn. Tòa án đã tiến hành thông báo việc nguyên đơn có đơn thay đổi nội dung hòa giải cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết, nhưng không có phản hồi. Do quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất được về số lượng nợ, nên HĐXX xác định bà S còn nợ bà T số tiền 600.000.000đ, khoản nợ này đã quá thời hạn thanh toán nhưng bà S chưa trả cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà S trả nợ là hoàn toàn có căn cứ.

- Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Bà T yêu cầu chồng bà S là ông Nguyễn Viết Đ cùng có trách nhiệm trả nợ. HĐXX xét thấy bà S và ông Đ là vợ chồng, khoản tiền mà bà S vay của bà T có giá trị lớn, theo trình bày của ông Đ thì tiền vay được bà S sử dụng vào mục đích đầu tư sản xuất của gia đình, nên cần áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình để buộc ông Đ là chồng bà S cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Về lãi suất tiền vay: Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ gốc, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà T chỉ yêu cầu bà S và ông Đ trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi, vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét về việc tính lãi suất tiền vay.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị T, buộc bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Viết Đ phải liên đới trả cho bà Trương Thị T số tiền nợ gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Vợ chồng ông Đ là người có lỗi trong hợp đồng vay tài sản nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 20.000.000đ + 4% x (600.000.000đ – 400.000.000đ) = 28.000.000đ. Do bà S và ông Đ có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, nên HĐXX xét giảm cho bà S và ông Đ 30% tiền án phí, số tiền án phí bà S và ông Đ còn phải nộp là 28.000.000đ x 70% = 19.600.000đ.

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự ; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

1. Buộc bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Viết Đ phải liên đới trả cho bà Trương Thị T số tiền nợ gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành khi có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí: Vợ chồng ông bà Nguyễn Viết Đ – Phạm Thị S phải nộp 19.600.000đ (Mười chín triệu sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Trương Thị T số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0002432 ngày 05/02/2018.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 là ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Ngọc San